

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua định mức phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2017,
năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 59/BC-HĐND-KTNS ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua định mức phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, với các nội dung như sau:

I. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các sở, đơn vị trực thuộc tỉnh.

1. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể:

a. Phân bổ theo chi tiêu biên chế do Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các sở, ban, ngành và đơn vị sử dụng ngân sách:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

Đơn vị	Định mức chi hoạt động
Nhóm I: đối với các đơn vị dự toán cấp I	20
Nhóm II: đối với các đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức xã hội.	15
Nhóm III: đối với hợp đồng 68	10

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:

(1) Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...

(2) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực;

(3) Kinh phí sửa chữa thường xuyên; kinh phí mua sắm công cụ dụng cụ, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

Không bao gồm:

(1) Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương;

(2) Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các Sở, ban, ngành: Đóng niên liễm; kinh phí đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi tổ chức Đại hội toàn tỉnh, tham gia hội nghị toàn quốc; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban điều phối, tổ công tác liên ngành, các Ủy ban, các Hội đồng được cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập theo quy định hiện hành, chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở;

(3) Các khoản chi đặc thù khác mang tính chất riêng biệt của các cơ quan chưa được tính vào định mức phân bổ nêu trên.

b. Các hội đặc thù, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Trên cơ sở biên chế hành chính được cơ quan có thẩm quyền giao và mức chi thường xuyên theo định mức phân bổ, khuyến khích các sở, ban, ngành thuộc tỉnh tinh giản biên chế, tiết kiệm chi tiêu để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và tăng chi cho các nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị.

Dự toán chi các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018) đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi hành chính điều chỉnh tăng (giảm) theo khả năng ngân sách tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo phương án phân bổ chi ngân sách hàng năm của tỉnh.

2. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục:

Được tính trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 82%. Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu 18% (chưa loại trừ nguồn thu học phí);

- Hàng năm, trong kỳ ổn định ngân sách sẽ tính toán giảm dần số bổ sung theo lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực.

3. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

a. Định mức theo chỉ tiêu sinh viên được phân bổ:

- Hệ cao đẳng: 4,2 triệu đồng/sinh viên/năm;
- Hệ trung cấp: 3,8 triệu đồng/sinh viên/năm;
- Riêng đối với Trường Chính trị tỉnh phân bổ theo định mức biên chế.

Lưu ý: số sinh viên, học sinh là số sinh viên, học sinh của tỉnh, tính theo số thực tế và trong chỉ tiêu tuyển sinh được cấp có thẩm quyền giao.

Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương, chế độ chính sách của học sinh, sinh viên.

Trong quá trình thực hiện định mức phân bổ trên đây, nếu có sự thay đổi về chế độ, chính sách và nguồn thu thì định mức phân bổ cho các trường sẽ được tiếp tục cân đối từ nguồn thu và phân bổ phù hợp với quy định và tình hình thực tế.

4. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp y tế:

- Phân bổ theo chỉ tiêu giường bệnh và biên chế được giao (chưa loại trừ thu viện phí, lệ phí, thu khác theo chế độ):

Tuyển	Đơn vị tính	Định mức
1. Tuyển tỉnh		
Bệnh viện Đa khoa	triệu đồng/giường bệnh	88
Bệnh viện Y học cổ truyền	triệu đồng/giường bệnh	72
2. Tuyển huyện, thị xã		
Các huyện, thị xã	triệu đồng/giường bệnh	72

- Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị y tế trên cơ sở yêu cầu của các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu viện phí, phí, và nguồn khác của đơn vị.

- Hàng năm, trong kỳ ổn định ngân sách sẽ tính toán giảm dần số bổ sung theo lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực.

5. Định mức chi cho các đơn vị sự nghiệp khác.

a. Định mức theo số biên chế được giao:

- Định mức chi cho các đơn vị sự nghiệp là: 15 triệu đồng/biên chế/năm đối với những đơn vị được nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên;

- Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu căn cứ vào khả năng thu của đơn vị và khả năng cân đối từ nguồn thu sẽ giảm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách;

- Định mức chi hợp đồng 68 cho các đơn vị sự nghiệp là 10 triệu đồng/hợp đồng/năm.

(Định mức trên không áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo và y tế).

Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương.

b. Ngoài định mức chi theo số biên chế được giao, các đơn vị sự nghiệp còn được phân bổ một khoản chi nghiệp vụ tùy thuộc vào tính chất hoạt động của từng đơn vị.

Ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực.

Trong thời gian các Nghị định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực chưa được ban hành, các đơn vị sự nghiệp công thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính hiện hành quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ; phân bổ chi thường xuyên các lĩnh vực chi sự nghiệp của ngân sách tỉnh theo nguyên tắc sau:

Ngân sách nhà nước giảm chi thường xuyên cho các cơ sở sự nghiệp công đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công.

Kinh phí tiết kiệm được để tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo đề án được cấp có thẩm quyền quyết định, tăng chi mua sắm sửa chữa và tăng chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại các lĩnh vực chi ngân sách thường xuyên và từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước.

- 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp môi trường.

Dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ và sự nghiệp môi trường được phân bổ theo các chương trình, đề án, kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

7. Định mức chi sự nghiệp kinh tế khối tỉnh.

Dự toán chi hoạt động kinh tế khối tỉnh, phân bổ theo mức bằng 10% chi thường xuyên các lĩnh vực chi (từ mục 1 đến mục 5) đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách quy định ở trên.

8. Định mức chi khác ngân sách.

Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên khối tỉnh đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách theo quy định.

II. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các huyện, thị xã trực thuộc tỉnh.

1. Định mức chi sự nghiệp giáo dục.

a. Được tính trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương, phụ cấp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 82%. Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu 18% (chưa loại trừ nguồn thu học phí).

Hàng năm, trong kỳ ổn định ngân sách sẽ tính toán giảm dần số bổ sung theo lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực.

b. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo chế độ quy định gồm:

- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ 3 - 5 tuổi.
- Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật.
- Kinh phí hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn.
- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề.

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (không bao gồm dân số từ 1 - 18 tuổi):

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã
Miền núi - Vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc	105.000

3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế.

a. Định mức phân bổ: Được tính trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 80%, hoạt động không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu 20%.

b. Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi được xác định trên cơ sở đối tượng do Tổng cục Thống kê công bố; mức đóng hàng tháng được thực hiện theo chế độ quy định.

c. Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo được xác định trên cơ sở số người nghèo năm 2016, kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo, người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật, đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của

Chính phủ được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức đóng hàng tháng được thực hiện theo chế độ quy định.

d. Kinh phí hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên được xác định trên cơ sở số đối tượng tham gia mua thẻ bảo hiểm y tế năm 2016, mức đóng hàng tháng được thực hiện theo chế độ quy định.

4. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội.

a. Định mức phân bổ theo biên chế: được tính trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 75%. Chi hoạt động thường xuyên không kể chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối thiểu 25%;

b. Các hội đặc thù, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Định mức phân bổ như trên:

- Là cơ sở xác định tổng chi quản lý hành chính cho ngân sách huyện, thị xã. Căn cứ tình hình thực tế địa phương tính toán, phân bổ cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo không thấp hơn tổng dự toán chi quản lý hành chính được Hội đồng nhân dân tỉnh giao;

- Đề nghị các huyện, thị xã thực hiện tinh giản biên chế, tiết kiệm chi tiêu để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và tăng chi cho các nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị.

Dự toán chi các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018) đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi hành chính điều chỉnh tăng (giảm) theo khả năng ngân sách tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo phương án phân bổ chi ngân sách hàng năm của tỉnh.

c. Định mức chi hoạt động thường xuyên cho các xã, phường, thị trấn (không bao gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương) là 640 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin.

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã
Miền núi - Vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc	25.000

6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình.

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã
Miền núi - Vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc	13.000

7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục - thể thao.

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã
Miền núi - Vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc	9.000

8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội.

- Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã
Miền núi - Vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc	31.000

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

+ Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội được tính trên cơ sở quyết định giao dự toán năm 2016 của cấp có thẩm quyền;

+ Bổ sung kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Kinh phí thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách (gia đình: liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng, quân nhân bị tai nạn nghề nghiệp) vào ngày lễ, tết với mức 500.000 đồng/gia đình/năm do cấp huyện quản lý và đảm bảo theo phân cấp.

9. Định mức phân bổ chi quốc phòng.

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã
Miền núi - Vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc	27.000

Riêng đối với các huyện biên giới được phân bổ thêm kinh phí với mức 400 triệu đồng/xã biên giới. Đối với địa phương tiếp giáp với 02 tỉnh nước bạn trở lên được phân bổ hệ số 1,4 lần/xã biên giới.

10. Định mức phân bổ chi an ninh.

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã
Miền núi - Vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc	13.500

Riêng đối với các huyện biên giới được phân bổ thêm kinh phí với mức 300 triệu đồng/xã biên giới. Đối với địa phương tiếp giáp với 02 tỉnh nước bạn trở lên được phân bổ hệ số 1,4 lần/xã biên giới.

11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế.

a. Dự toán chi sự nghiệp kinh tế các huyện, thị xã được phân bổ theo mức bằng 10% chi thường xuyên các lĩnh vực chi (từ mục 1 đến mục 10 nêu trên);

b. Đối với các đô thị (thuộc tỉnh), được phân bổ thêm: 10.000 triệu đồng/đô thị loại III/năm; 6.000 triệu đồng/đô thị loại IV/năm; 3.000 triệu đồng/đô thị loại V.

12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp môi trường.

Dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ và sự nghiệp môi trường được phân bổ theo các chương trình, đề án, kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

13. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách địa phương.

Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách quy định từ mục 1 đến mục 12 như trên. Định mức này không bao gồm các khoản chi đặc thù, đột xuất được phân bổ theo từng nội dung công việc cụ thể;

Đối với các huyện, thị xã có dân số dưới 55.000 dân được tính tăng thêm 8% số chi theo định mức dân số nêu trên.

14. Định mức dự phòng ngân sách: tỷ lệ dự phòng ngân sách các huyện, thị xã từ 2 đến 4%.

III. Phương pháp xác định một số tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên.

1. Về dân số: tỉnh Bình Phước là tỉnh miền núi dân số của 11 huyện, thị xã trong tỉnh được xếp vào tiêu chí dân số miền núi, vùng sâu. Số liệu về chỉ tiêu dân số để tính định mức chi giai đoạn 2017 - 2020, được tính trên cơ sở số liệu do Cục Thống kê cung cấp.

2. Về định mức phân bổ: các định mức phân bổ theo tiêu chí dân số được quy định từ mục 1 đến mục 10 nêu trên được áp dụng cho các huyện, thị xã làm cơ sở xây dựng dự toán.

3. Định mức phân bổ trên: đã bao gồm chi tiền lương, có tính chất lương theo quy định với mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.

Điều 2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết này là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của từng sở, ban, ngành, các đơn vị sử dụng ngân sách khối tỉnh, dự toán chi ngân sách của từng huyện, thị xã trực thuộc tỉnh (bao gồm cấp huyện và cấp xã). Định mức phân bổ của ngân sách địa phương đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đến 30 tháng 9 năm 2016.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

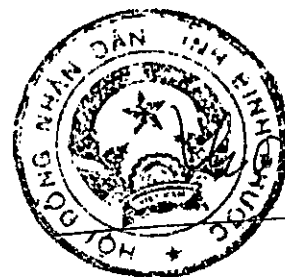
Định mức phân bổ được ban hành tại Nghị quyết này áp dụng từ năm ngân sách 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực, kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ KH&ĐT, Bộ TP (Cục KTVB);
- TITU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *ad*



Trần Tuệ Hiền